TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu
Ông Trương Thanh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Thanh T, sinh năm 1985; Quốc tịch: Việt Nam; Địa chỉ: Khu phố V, phường B, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Yến N, sinh năm 1972; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Hoa Kỳ. Số hộ chiếu: 569367166. Nơi cư trú: USA (vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Tạ Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Bùi Yến N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/11/2017 tại Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Việt Nam được 02 tháng thì bà N trở về Hoa Kỳ sinh sống, ông T vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu sau khi bà N trở về Hoa Kỳ, vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm, hỏi thăm nhau nhưng đến khoảng tháng 10/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà N hay tụ tập bạn bè, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vì vậy, từ tháng 10/2020 đến nay ông T và bà N đã không còn liên lạc gì với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay nhận thấy không còn tình cảm với bà N, mục đích hôn nhân không

đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Yến N.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Yến N:

Quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện các thủ tục uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật đến cơ quan có thẩm quyền để tống đạt cho bà Bùi Yến N các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn. Tại Công văn số 1808/BTP-PLQT ngày 19/7/2023 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp thể hiện cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho bà Bùi Yến N vào ngày 12/5/2023 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Tuy nhiên, đến nay Toà án vẫn không nhận được tài liệu, chứng cứ hay văn bản nêu ý kiến của bà Bùi Yến N liên quan đến yêu cầu ly hôn của ông Tạ Thanh T.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Thanh T, xử cho ông Tạ Thanh T được ly hôn với bà Bùi Yến N; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn ông Tạ Thanh T có hộ khẩu thường trú tại khu phố V, phường B, thị xã P, tỉnh Bình Phước yêu cầu ly hôn với bà Bùi Yến N, quốc tịch Hoa Kỳ, hiện đang cư trú tại USA nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Bùi Yến N đã được Toà án tiến hành thủ tục uỷ thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, cơ quan có thẩm quyền cũng đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho bà Bùi Yến N bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng bà Bùi Yến N. Vì vậy, thủ tục tống đạt cho bà Bùi Yến N là hợp lệ. Tại phiên toà, bà Bùi Yến N vắng mặt không lý do,

đây là phiên toà lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Bùi Yến N theo quy định tại Điều 227 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Tạ Thanh T và bị đơn bà Bùi Yến N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào 16/11/2017 tại Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 5/2017, là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, ông T và bà N chỉ chung sống với nhau tại Việt Nam được khoảng 02 tháng thì bà N trở về Hoa Kỳ sinh sống. Thời gian đầu sau khi bà N trở về Hoa Kỳ, vợ chồng vẫn liên lạc, quan tâm, hỏi thăm nhau nhưng đến khoảng tháng 10/2020 thì vợ chồng bắt phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà N hay tụ tập bạn bè, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Vì vậy, từ tháng 10/2020 đến nay ông T và bà N đã không còn liên lạc gì với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách.

Xét thấy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai bên đã không sống chung với nhau từ sau khi kết hôn và không còn liên lạc, quan tâm, lo lắng cho nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Yến N là có cơ sở nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử cho ông Tạ Thanh Tđược ly hôn bà Bùi Yến N.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Tạ Thanh T phải chịu theo quy định.

Chi phí uỷ thác tư pháp: Ông Tạ Thanh T phải chịu 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Các chi phí tố tụng khác: Ông Tạ Thanh T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn ông Tạ Thanh T.

Xử cho ông Tạ Thanh T được ly hôn bà Bùi Yến N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Tạ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019880 ngày 01/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- *Chi phí uỷ thác tư pháp:* Ông Tạ Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019885 ngày 20/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- *Chi phí tố tụng khác:* Ông Tạ Thanh T phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí dịch thuật và 95 USD chi phí thực tế tống đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp và ông Thông đã thực hiện xong.

- *Đối với chi phí uỷ thác bản án sơ thẩm:* Ông Tạ Thanh T phải tiếp tục nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước; tiếp tục nộp số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí dịch thuật và 95 USD chi phí thực tế tống đạt giấy tờ uỷ thác tư pháp (nộp theo thông báo của Toà án).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Tạ Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Bùi Yến N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND thị xã P, tỉnh Bình Phước;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Ninh